

Bản án số: 02/2024/KDTM-ST

Ngày 22 - 5 - 2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng thi công

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng.

2. Ông Đặng Văn Đê.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Lê Anh Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị N – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2023/TLST-KDTM ngày 17 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng thi công” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXXST-KDTM ngày 02 tháng 4 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-KDTM ngày 23 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn T.

Địa chỉ: Số E đường số C, khu phố G, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn N1 – Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Văn Q, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Số C N, phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn T1.

Địa chỉ: Số G C, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị Bích H – Chức vụ: Giám đốc.

(Ông Q có mặt; bà H vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng, đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH T do ông Hà Văn Q trình bày:

Ngày 28/9/2020, Công ty TNHH T (gọi tắt là Công ty T) và Công ty Trách nhiệm hữu hạn T1 (gọi tắt là Công ty T1) có ký kết hợp đồng thi công số 2809.20/HĐTC/TTC-TTP kèm theo phụ lục số 01,02 ký ngày 28/9/2020 và phụ lục số 03 ký kết ngày 02/01/2021 về việc làm sạch bề mặt và phun sơn, đối với nhà máy L.

Theo Hợp đồng đã ký kết Công ty T đã thi công cho Công ty T1 08 đợt mỗi đợt đều có biên bản xác nhận giá trị hoàn thành với tổng giá trị là 2.531.643.713 đồng, tính đến ngày 09/01/2023 Công ty T1 đã thanh toán cho Công ty T số tiền 1.415.000.000đ, số tiền còn nợ lại là 1.116.643.713 đồng. Với số tiền nợ này, Công ty T đã nhiều lần liên lạc, gửi văn bản đề nghị Công ty T1 thanh toán dứt điểm, nhưng Công ty T1 vẫn tiếp tục trì hoãn và kéo dài, cũng như không có văn bản phản hồi chính thức về kế hoạch trả nợ với nhiều lý do không chính đáng.

Nay Công ty TTP yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Buộc công ty T1 có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T số tiền gốc là 1.116.643.731đ (một tỷ một trăm mười sáu triệu sáu trăm bốn mươi ba ngàn bảy trăm ba mươi một đồng) theo hợp đồng số 2809.20/HĐTC/TTC – TTP ký ngày 28/9/2020.

- Buộc Công ty T1 có nghĩa vụ trả một lần số tiền lãi chậm trả tính từ ngày 09/01/2023 đến ngày 25/11/2023 là 98.016.504đ (Chín mươi tám triệu không trăm mười sáu ngàn năm trăm lẻ bốn đồng).

- Buộc Công ty T1 có nghĩa vụ trả một lần số tiền phạt do chậm thanh toán là 126.582.186đ (một trăm hai mươi sáu triệu năm trăm tám mươi hai ngàn một trăm tám mươi sáu đồng)

Tổng số tiền Công ty T yêu cầu Công ty T1 phải thanh toán là 1.341.242.402đ (Một tỷ ba trăm bốn mươi một triệu hai trăm bốn mươi hai ngàn bốn trăm lẻ hai đồng).

Trong quá trình tố tụng bị đơn Công ty T1 do bà Trần Thị Bích H là người đại diện theo pháp luật đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Nhưng vào ngày 22/4/2024, Công ty T1 có đơn đề nghị hoãn phiên tòa xét xử vào ngày 23/4/2024 với lý do “*muốn thương lượng kế hoạch thanh toán với nguyên đơn nên xin hoãn phiên tòa xét xử, chuyển sang một ngày khác để có điều kiện tham gia và trình bày quan điểm, nguyện vọng*”.

Theo công văn số 66/CV-ĐKKD ngày 12/3/2024 về việc cung cấp thông tin của Sở kế hoạch đầu tư tỉnh B cung cấp theo yêu cầu của Tòa án thì Công ty T1 về trình trạng pháp lý hiện nay của Công ty là đang hoạt động

Tại phiên tòa:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với số tiền yêu cầu là 1.116.643.731đ và tiền lãi suất chậm trả theo quy định của Bộ luật Dân sự là 10%/năm từ 09/01/2023 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 22/5/2024.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu đòi với số tiền phạt do chậm thanh toán là 126.582.186đ.

- Các đương sự không có cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa phát biểu quan điểm:**

Về việc tuân theo pháp luật: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án này là đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tuân thủ trình tự Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay thực hiện đúng trình tự thủ tục Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn chưa thực hiện đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần T đối với Công ty T1.

Buộc Công ty T1 có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần T tổng số tiền 1.269.661.000đ (Một tỷ hai trăm sáu mươi chín triệu sáu trăm sáu mươi một đồng); Trong đó: nợ gốc là 1.116.731.000 đồng và nợ lãi là 152.918.154 đồng.

2. Về án phí: Giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Công ty T khởi kiện yêu cầu Công ty T1 trả số tiền nợ theo hợp đồng thi công đã ký kết, nguyên đơn và bị đơn đều có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận, nên đây là vụ án kinh doanh thương mại về việc tranh chấp hợp đồng thi công. Đồng thời, bị đơn có trụ sở tại số G Cách mạng tháng tám, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu Công ty T1 trả tiền nợ gốc 1.116.643.731 đồng.

Hội đồng xét xử, xét thấy: Theo quy định tại khoản 1 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định: “*Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp...*”, có nghĩa là: Công

ty T là nguyên đơn trong vụ án thì Công ty có nghĩa vụ chứng minh việc Công ty T1 có nợ tiền thi công công trình với Công ty T.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình Công ty T có cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ sau: Hợp đồng thi công số 2809.20/HĐTC/TTC-TTP kèm theo Phụ lục số 01, số 02 ký ngày 28 tháng 9 năm 2020; Phụ lục 03 số 03.2809.20/HĐTC/TTC-TP/PLHĐ ký ngày 02/01/2021; 08 biên bản xác nhận giá trị hoàn thành cụ thể như sau: Biên bản xác nhận giá trị hoàn thành đợt 1 ngày 03/02/2021, Biên bản xác nhận giá trị hoàn thành đợt 2 ngày 12/3/2021; Biên bản xác nhận giá trị hoàn thành đợt 3 ngày 26/6/2021; Biên bản xác nhận giá trị hoàn thành đợt 4 ngày 21/8/2021; Biên bản xác nhận giá trị hoàn thành đợt 5 ngày 27/9/2021; Biên bản xác nhận giá trị hoàn thành đợt 6 ngày 23/10/2021; Biên bản xác nhận giá trị hoàn thành đợt 7 ngày 01/7/2022 và biên bản xác nhận khối lượng hoàn thành đợt 8 ngày 15/02/2022 và Giấy đề nghị thanh toán ngày 15/02/2023.

Các tài liệu, chứng cứ nêu trên thể hiện, giữa Công ty T và Công ty T1 có ký hợp đồng thi công về việc làm sạch bề mặt và phun sơn, giá trị của hợp đồng là 2.531.643.713đ. Tính đến ngày 09/01/2023 Công ty T1 đã thanh toán số tiền 1.415.000.000đ, số tiền còn lại phải thanh toán là 1.116.643.73đ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập bị đơn, nhưng bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không có ý kiến và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án. Đây được xem là đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình, nhưng vào ngày 22/4/2024, Công ty T1 có đơn đề nghị hoãn phiên tòa xét xử vào ngày 23/4/2024 với nội dung *“muốn thương lượng kế hoạch thanh toán với nguyên đơn nên xin hoãn phiên tòa xét xử, chuyển sang một ngày khác để có điều kiện tham gia và trình bày quan điểm, nguyện vọng”* thể hiện Công ty T1 thừa nhận số nợ còn lại là 1.116.643.713đ về việc ký kết hợp đồng thi công và quá trình thực hiện hợp đồng thi công, cũng như các tài liệu, chứng cứ mà như phía Công ty T cung cấp cho Tòa án là đúng. Xét thấy: Đây là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2, Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*.

Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ của Công ty T cung cấp để giải quyết vụ án. Từ những phân tích nêu trên cho thấy Công ty T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận, lời trình bày và tài liệu, chứng cứ mà phía Công ty T cung cấp cho Tòa án phù hợp nên Công ty T yêu cầu Công ty T1 thanh toán số nợ còn lại 1.116.643.731 đồng là có cơ sở chấp nhận

[2.2] Xét yêu cầu tính lãi suất của Công ty Cổ phần T:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử tính lãi suất chậm trả là 10%/năm, theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015, như sau: Tính lãi suất 10%/năm đối với số tiền 1.116.643.731đ kể từ ngày 09/01/2023

đến ngày xét xử sơ thẩm 22/5/2024. Xét thấy, yêu cầu này phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận, cụ thể lãi suất được tính như sau: Tính lãi suất 10%/năm đối với số tiền 1.116.643.731 đồng, kể từ ngày 09/01/2023 đến ngày 22/5/2024 = 152.918.154 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút yêu cầu đòi với số tiền phạt do chậm thanh toán là 126.582.186đ. Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù, tại Điều 3 trong hợp đồng thi công số 2809.20/HĐTC/TTC-TTP giữa Công ty T và Công ty T1 có thỏa thuận “*Trường hợp bên A thanh toán chậm bên B sẽ không chịu trách nhiệm về tiến độ thi công và bên A sẽ bị phạt 0,05% tổng giá trị còn lại chưa thanh toán của hợp đồng cho mỗi ngày chậm. Tổng số tiền phạt không vượt quá 5% tổng giá trị hợp đồng*” nhưng nay nguyên đơn rút đòi với yêu cầu này, xét thấy: Đây là ý chí tự nguyện của nguyên đơn và phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty T. Buộc Công ty T1 thanh toán cho Công ty T số tiền 1.269.561.885 đồng (trong đó: nợ gốc là 1.116.643.731 đồng và nợ lãi là 152.918.154 đồng)

[3] Ý kiến của Viện kiểm sát: Trên cơ sở phân tích nêu trên có cơ sở chấp nhận toàn bộ đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa.

[4] Về án phí:

- Buộc Công ty T1 phải chịu toàn bộ án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch theo quy định pháp luật là 50.086.857 đồng.

- Công ty T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 306 của Luật Thương mại;

- Căn cứ vào Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn T đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn T1.

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn T1 có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn T tổng số tiền 1.269.561.885đ (Một tỷ hai trăm sáu mươi chín triệu năm trăm sáu mươi một ngàn tám trăm tám mươi lăm đồng); Trong đó: nợ gốc là 1.116.643.731 đồng và nợ lãi là 152.918.154 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong

tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí:

- Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch: Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn T1 nộp số tiền 50.086.857đ (Năm mươi triệu, không trăm tám mươi sáu ngàn, tám trăm năm mươi bảy đồng).

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn T không phải nộp án phí. H1 lại cho Công ty T số tiền 26.119.000đ (Hai mươi sáu triệu một trăm mười chín ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000925 ngày 26 tháng 12 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (22/5/2024), các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Bà Rịa;
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Chi cục THA Dân sự;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hoài Nam